

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành định mức dự toán cho các công tác xây dựng
trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành định mức dự toán cho các công tác xây dựng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định định mức dự toán cho các công tác xây dựng trên địa bàn tỉnh Gia Lai chưa được Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành ban hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập và quản lý chi phí công tác xây dựng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 3. Định mức dự toán cho các công tác xây dựng trên địa bàn tỉnh

Định mức dự toán cho các công tác xây dựng trên địa bàn tỉnh quy định chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2026.

2. Quyết định số 1934/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Định mức dự toán cho các công tác xây dựng đặc thù của tỉnh Gia Lai hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng đã được phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực không phải thẩm định, phê duyệt lại. Các hoạt động quản lý chi phí đầu tư xây dựng tiếp theo thực hiện theo Nghị định số 206/2026/NĐ-CP, Quyết định này và quy định pháp luật có liên quan.

2. Đối với tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng chưa được phê duyệt tại thời điểm Quyết định này có hiệu lực, việc xác định chi phí của các công tác xây dựng thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này được thực hiện trên cơ sở định mức ban hành kèm theo Quyết định này, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, điều kiện, biện pháp thi công và thành phần công việc của từng công tác. Việc thẩm định, phê duyệt thực hiện theo Nghị định số 206/2026/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.

3. Việc xác định, cập nhật dự toán gói thầu, giá gói thầu đối với các gói thầu chưa ký kết hợp đồng thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và pháp luật về đấu thầu.

4. Các gói thầu đã ký kết hợp đồng trước ngày Quyết định này có hiệu lực tiếp tục thực hiện theo nội dung hợp đồng đã ký kết và quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng.

5. Trường hợp phải điều chỉnh tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng, dự toán gói thầu hoặc giá gói thầu thì trình tự thẩm định, phê duyệt nội dung điều chỉnh thực hiện theo Nghị định số 206/2026/NĐ-CP, pháp luật về đấu thầu và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục

ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN CHO CÁC CÔNG TÁC XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 134/2026/QĐ-UBND)

CHƯƠNG I THUYẾT MINH ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN

1. Nội dung định mức dự toán cho các công tác xây dựng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

a) Định mức dự toán cho các công tác xây dựng trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây gọi tắt là định mức dự toán) là các định mức chưa được Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành ban hành thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20, khoản 2 Điều 35 Nghị định số 206/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

b) Định mức dự toán để các tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, sử dụng vào việc lập và quản lý chi phí công tác xây dựng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

c) Định mức dự toán quy định mức hao phí về vật liệu, lao động và máy thi công để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác xây dựng từ khi chuẩn bị đến khi kết thúc công tác xây dựng theo đúng yêu cầu kỹ thuật (kể cả những hao phí cần thiết do yêu cầu kỹ thuật và tổ chức sản xuất nhằm đảm bảo thi công xây dựng liên tục, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật).

d) Định mức dự toán được lập trên cơ sở các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng; quy định về quản lý kỹ thuật, thi công, nghiệm thu; mức độ trang bị máy thi công; biện pháp thi công phổ biến và tiến bộ khoa học kỹ thuật trong xây dựng.

đ) Định mức dự toán bao gồm: mã hiệu, tên công tác, đơn vị tính, thành phần công việc, quy định áp dụng (nếu có) và bảng các hao phí định mức; trong đó:

- Thành phần công việc quy định nội dung các bước công việc từ khi chuẩn bị đến khi hoàn thành công tác theo điều kiện kỹ thuật, biện pháp thi công và phạm vi thực hiện công việc.

- Bảng các hao phí định mức gồm:

+ *Mức hao phí vật liệu*: Là số lượng vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện hoặc các bộ phận rời lẻ, vật liệu luân chuyển (không kể vật liệu cần dùng cho máy thi công và những vật liệu tính trong chi phí chung) cần thiết cho việc hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác xây dựng. Mức hao phí vật liệu chính được tính bằng số lượng phù hợp với đơn vị tính của vật liệu. Mức hao phí vật liệu khác được tính bằng tỷ lệ % trên chi phí vật liệu chính.

+ *Mức hao phí lao động*: Là số ngày công lao động của kỹ sư, công nhân cần thiết (gồm cả nhân công điều khiển, sử dụng máy và thiết bị khảo sát) để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác khảo sát xây dựng, công tác xây dựng từ khi chuẩn bị đến khi kết thúc công tác khảo sát xây dựng, công tác xây dựng. Mức hao phí lao động được tính bằng số ngày công của kỹ sư, nhân công.

+ *Mức hao phí máy thi công*: Là số ca sử dụng máy thi công trực tiếp thi công, máy phục vụ cần thiết (nếu có) để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác khảo sát xây dựng, công tác xây dựng. Mức hao phí máy thi công trực tiếp thi công được tính bằng số lượng ca máy sử dụng. Mức hao phí máy khác được tính bằng tỷ lệ % trên chi phí máy thi công trực tiếp thi công.

2. Kết cấu tập định mức dự toán

Định mức dự toán cho các công tác xây dựng trên địa bàn tỉnh Gia Lai bao gồm 02 chương được mã hoá thống nhất theo nhóm, loại công tác; cụ thể như sau:

- Chương I: Thuyết minh định mức dự toán.

- Chương II: Định mức dự toán.

- Danh mục định mức dự toán:

STT	Mã hiệu	Nhóm, loại công tác xây dựng
1	BD.10000	Thả đá hộc chân đê, kè bằng máy đào 0,8m ³
2	BD.20000	Lắp đặt bó vỉa hè, đường bằng đá Granite
3	BD.30000	Lát vỉa hè bằng đá granite chiều dày 3cm
4	BD.40000	Xây mái dốc bằng đá chẻ 15x20x25
5	BD.50000	Đo vẽ bình đồ tuyến trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử

CHƯƠNG II
ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN

BD.10000 THẢ ĐÁ HỘC CHÂN ĐÊ, KÈ BẰNG MÁY ĐÀO 0,8 M³

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, di chuyển máy đào đến vị trí thi công, xúc đá hộc đã tập kết bằng máy đào thả vào chân đê kè, hoàn thiện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BD.10000	Thả đá hộc chân đê, kè bằng máy đào 0,8 m ³	<i>Vật liệu</i>		
		Đá hộc	m ³	1,14
		<i>Nhân công nhóm 1</i>	công	0,087
		<i>Máy thi công</i>		
		Máy đào 0,8 m ³	ca	0,027

Ghi chú: Đơn vị tính là 1 m³ hoàn thành chân đê, kè theo thiết kế.

BD.20000 LẮP ĐẶT BÓ VỈA HÈ, ĐƯỜNG BẰNG ĐÁ GRANITE

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m, trộn vữa, miết mạch hoàn chỉnh, bảo quản vỉa theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị tính: 1m

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Loại bó vỉa	
				20x25x100 cm	20x35x100 cm
BD.200	Lắp đặt bó vỉa hè, đường bằng đá granite	Vật liệu			
		Bó vỉa đá granite	m	1,025	1,025
		Vữa xi măng M75	m ³	0,002	0,003
		Nhân công nhóm 2	công	0,114	0,125
		Máy thi công			
		Máy trộn vữa 150 lít	ca	0,0005	0,0007
				10	20

BD.30000 LÁT VỈA HÈ BẰNG ĐÁ GRANITE CHIỀU DÀY 3CM

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m, trộn vữa, lát đá granite, miết mạch, đánh độ dốc theo yêu cầu kỹ thuật, bảo đảm an toàn giao thông (phần móng tính riêng).

Đơn vị tính: 1m²

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BD.30000	Lát vỉa hè bằng đá granite chiều dày 3cm	<i>Vật liệu</i>		
		Đá granite	m ²	1,01
		Vữa xi măng M75	m ³	0,026
		<i>Nhân công nhóm 3</i>	công	0,143
		<i>Máy thi công</i>		
		Máy trộn vữa 150 lít	ca	0,006
		Máy cắt gạch đá 1,7kW	ca	0,008

BD.40000 XÂY MÁI DỐC BẰNG ĐÁ CHẼ 15X20X25

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, trộn vữa, xây kẻ cả miết mạch hoàn thiện theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m.

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BD.40000	Xây mái dốc bằng đá chẻ 15x20x25	<i>Vật liệu</i>		
		Đá chẻ 15x20x25	viên	109
		Vữa	m ³	0,3
		<i>Nhân công nhóm 2</i>	công	1,8
		<i>Máy thi công</i>		
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,036

Ghi chú:

- Đơn vị tính là 1 m³ kết cấu xây mái dốc đá chẻ hoàn thành theo thiết kế.
- Định mức trên áp dụng cho trường hợp xây mái dốc thẳng, trường hợp xây mái dốc cong thì hao phí nhân công điều chỉnh hệ số 1,1.

BD.50000 ĐO VẼ BÌNH ĐỒ TUYẾN TRÊN CẠN BẢNG MÁY TOÀN ĐẠC ĐIỆN TỬ VÀ MÁY THỦY BÌNH ĐIỆN TỬ

Thành phần công việc:

- Nhận nhiệm vụ, đi thực địa, chuẩn bị dụng cụ, vật tư, trang thiết bị;
- Công tác khống chế đo vẽ: Toàn bộ từ khâu chọn điểm đo góc, đo cạnh, tính toán bình sai lưới tam giác nhỏ, đường chuyền kinh vĩ, đường chuyền toàn đạc, thủy chuẩn đo vẽ;
- Tiến hành đo vẽ chi tiết các điểm đặc trưng; Vẽ đường đồng mức;
- Kiểm tra hoàn chỉnh công tác nội, ngoại nghiệp;
- Nghiệm thu, bàn giao.

BD.51000 ĐO VẼ BÌNH ĐỒ TUYẾN TỶ LỆ 1/500 ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC 1M TRÊN CẠN BẢNG MÁY TOÀN ĐẠC ĐIỆN TỬ VÀ MÁY THỦY BÌNH ĐIỆN TỬ

Đơn vị tính: 1ha

Mã hiệu	Tên công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cấp địa hình					
				I	II	III	IV	V	VI
BD.510	Đo vẽ bình đồ tuyến tỷ lệ 1/500 đường đồng mức 1m trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử	Vật liệu							
		Cọc gỗ (4x4x40) cm	cọc	2	2	3	3	4	4
		Sổ đo	quyển	0,6	0,6	0,7	0,7	0,8	0,8
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5	5	5
		Nhân công							
		Kỹ sư	công	0,69	0,92	1,25	1,68	2,35	3,28
		Nhân công nhóm 3	công	1,87	2,67	3,75	5,10	7,22	10,33
		Máy thi công							
		Máy toàn đạc điện tử TS06 hoặc loại tương tự	ca	0,22	0,41	0,66	0,92	1,37	2,08
		Máy thủy bình điện tử PLP-110 hoặc loại tương tự	ca	0,02	0,03	0,04	0,04	0,04	0,05
		Máy khác	%	5	5	5	5	5	5
				10	20	30	40	50	60

BD.52000 ĐO VẼ BÌNH ĐỒ TUYẾN TỶ LỆ 1/1000 ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC 1M TRÊN CẠN BẰNG MÁY TOÀN ĐẠC ĐIỆN TỬ VÀ MÁY THỦY BÌNH ĐIỆN TỬ

Đơn vị tính: 100ha

Mã hiệu	Tên công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cấp địa hình					
				I	II	III	IV	V	VI
BD.520	Đo vẽ bình đồ tuyến tỷ lệ 1/1000 đường đồng mức 1m, trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử	<i>Vật liệu</i>							
		Cọc gỗ (4x4x40) cm	cọc	15	25	35	40	50	55
		Sổ đo	quyển	16	16	20	20	30	30
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5	5	5
		<i>Nhân công</i>							
		Kỹ sư	công	24,23	32,62	44,13	58,73	81,62	110,20
		Nhân công nhóm 3	công	67,60	93,10	129,84	179,06	259,95	354,14
		<i>Máy thi công</i>							
		Máy toàn đạc điện tử TS06 hoặc loại tương tự	ca	8,93	13,44	20,50	31,67	51,24	71,30
		Máy thủy bình điện tử PLP-110 hoặc loại tương tự	ca	0,95	1,26	2,02	2,52	3,78	4,10
Máy khác	%	5	5	5	5	5	5		
				10	20	30	40	50	60